

Thử nghiệm vận dụng mạng xã hội vào giảng dạy học phần Giáo dục hoà nhập cho sinh viên ngành giáo dục mầm non tại Trường Đại học Quảng Bình

Nguyễn Thị Như Hương*, Lê Thị Lan Phương*

*Phòng Thanh tra – Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường Đại học Quảng Bình

Received: 26/12/2022 Accepted: 27/12/2022 Published: 30/12/2022

Abstract: The authors found that applying social networks to teaching some subjects at Quang Binh University can be effective in creating excitement and improving the quality of knowledge transmission as well as self-study ability of students. In this article, the authors choose a content in Inclusive Education to build a model lesson, in which social networks are used to teach students of Early Childhood Education, then we teach experimentally and compare the results. From there, the article outlines some solutions to using social networks to innovate teaching methods at Quang Binh University

Keywords: Social networks, teaching methods

1. Đặt vấn đề

Trong giai đoạn bùng nổ thông tin mang tính toàn cầu, phương tiện thông tin đại chúng được cài đặt đến từng hộ gia đình người dân, việc dạy học được sự hỗ trợ từ máy tính, Internet khiến sức khỏe và độ bền trí tuệ của SV được cải thiện đáng kể [2]. Bên cạnh việc cung cấp thông tin có sẵn, cần dạy SV theo phương pháp lựa chọn và xử lý thông tin. Phương pháp giảng dạy cần phải đổi mới, nhưng đổi mới theo hướng nào? Chính vì thế, giảng viên cần phối hợp nhiều phương pháp giảng dạy để đạt hiệu quả, một trong những phương pháp thúc đẩy sự chủ động tự nghiên cứu của SV là cho SV làm việc nhóm.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Xây dựng bài giảng mẫu sử dụng mạng xã hội vào phương pháp giảng dạy học phần Giáo dục hòa nhập

2.1.1. Khái quát về học phần Giáo dục hòa nhập

- Nội dung học phần: những kiến thức cơ bản về trẻ khuyết tật, can thiệp sớm, nội dung giáo dục hòa nhập cho các nhóm trẻ khuyết tật lứa tuổi Mầm non; Khái niệm chung về trẻ khuyết tật và can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật; sự hình thành và phát triển công tác can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật; các nguyên tắc cơ bản, ý nghĩa của can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật; tổ chức thực hiện can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật; khái niệm chung, các bước đi cơ bản, quy trình về giáo dục hòa nhập; nội dung và phương pháp giáo dục hòa nhập cho từng nhóm trẻ khuyết tật.

- Phân bố số tiết: 30

- Mục tiêu học phần: Có kiến thức cơ bản về trẻ

khuyết tật, can thiệp sớm, nội dung giáo dục hòa nhập cho các nhóm trẻ khuyết tật lứa tuổi Mầm non. Có kỹ năng về giáo dục hòa nhập khi làm việc với các nhóm trẻ khuyết tật lứa tuổi Mầm non. Có nhận thức đúng về trẻ em khuyết tật và vai trò, sự cần thiết của giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở lứa tuổi Mầm non.

- Chuẩn đầu ra của học phần: Giải thích được những kiến thức cơ bản về trẻ khuyết tật, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập. Vận dụng được các kỹ năng để thiết kế các HĐ trong lớp Mầm non theo phương thức giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật. Sử dụng được một số công cụ để đánh giá và lập kế hoạch giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở lứa tuổi mầm non. Nhận thức được sự cần thiết, ý nghĩa của giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở lứa tuổi mầm non.

Dựa trên cơ sở xây dựng bài giảng và nội dung, chuẩn đầu ra, mục tiêu của học phần nhóm nghiên cứu đã chọn 1 nội dung nhỏ để xây dựng bài giảng mẫu là: “Một số biện pháp quan trọng trong công tác tổ chức giáo dục cho trẻ khiếm thị ở trường mầm non”, nội dung này nằm ở chương 3 của học phần Giáo dục hòa nhập được triển khai giảng dạy tại tuần 11 cho SV lớp GDMN K59 tại Trường Đại học Quảng Bình.

2.1.2. Nội dung bài giảng mẫu của học phần Giáo dục hòa nhập

SV cần trao đổi “Một số biện pháp quan trọng trong công tác tổ chức giáo dục cho trẻ khiếm thị ở trường mầm non” cụ thể:

- Điều chỉnh và sắp xếp môi trường phù hợp với tật thị giác
- Xây dựng bầu không khí tích cực ở trường học giúp trẻ khiếm thị có tâm lý an toàn, tự tin, thoải mái
- Xây dựng kế hoạch giáo dục các nhân cho trẻ khiếm thị
- Tận dụng tối đa các giác quan còn lại của trẻ khiếm thị
- Sử dụng các công cụ hỗ trợ.
- Phối hợp các lực lượng giáo dục.

Việc dạy thử nghiệm vận dụng sử dụng mạng xã hội trong dạy học học phần trên được tiến hành ở học kì 2 đối với ngành GDMN năm học 2020 – 2021. Kết quả thử nghiệm được đánh giá trong suốt quá trình giảng dạy với trọng số: Thái độ, chuyên cần 05%; Kiểm tra thường xuyên 35%; Thi kết thúc học phần: 60%. Trong đó, bài giảng mẫu được sử dụng trong quá trình đánh giá kiểm tra thường xuyên.

2.2. Tiến hành thử nghiệm bài giảng và đánh giá

2.2.1. Thử nghiệm bài giảng

Mục đích thử nghiệm

Đánh giá tính thiết thực, hợp lý, tính khả thi và hiệu quả của việc sử dụng MXH vào phương pháp giảng dạy học phần Giáo dục hòa nhập.

Đối tượng và thời gian thử nghiệm

Đối tượng thử nghiệm của đề tài nghiên cứu như sau:

+ Nhóm thử nghiệm: Lớp ĐHMN 2 K59 với 39 SV

+ Nhóm đối chứng: Lớp ĐHMN 1 K59 với 39 SV
Thời gian: năm học 2020-2021.

Nhiệm vụ thử nghiệm

Tổ chức giảng dạy học phần “Giáo dục hòa nhập” theo Bài giảng mẫu. Trên cơ sở kết quả thi kết thúc học phần đánh giá sơ bộ hiệu quả của tiến trình dạy học.

Nội dung thử nghiệm

Thử nghiệm bài giảng với nội dung “Một số biện pháp quan trọng trong công tác tổ chức giáo dục cho trẻ khiếm thị ở trường mầm non” của học phần Giáo dục hoà nhập.

Giảng viên chia nhóm SV và giao nội dung thảo luận qua messenger hoặc zalo. Nhóm SV sẽ trao đổi, tranh luận đưa ra các ý kiến liên quan và thống nhất nội dung trình bày. Trong quá trình làm việc nhóm qua MXH, giảng viên sẽ hỗ trợ giải thích rõ thêm các ý kiến của SV và góp ý cho bài trình bày của nhóm. Khi lên lớp, các nhóm sẽ trình bày quan điểm của mình và đặt câu hỏi thảo luận cho các nhóm khác,

giảng viên sẽ tổ chức bài giảng dựa trên kết quả thảo luận nhóm qua MXH và bổ sung kiến thức chuyên sâu cho SV.

2.2.2. Đánh giá

Để đánh giá tính khả thi của đề tài, chúng tôi tiến hành đánh giá qua kết quả học tập của SV lớp Đại học GDMN 2 K59 (lớp thử nghiệm) với SV lớp Đại học GDMN 1 K59 (lớp không thử nghiệm).

Về mặt định lượng: Sau khi hoàn thành việc dạy thử nghiệm bài giảng, chúng tôi đã tiến hành thi kết thúc học phần, chấm bài của 2 lớp và đối chứng, kết quả như sau:

So sánh điểm tổng kết học phần của lớp thử nghiệm với lớp không thử nghiệm

Điểm hệ chữ	Học phần GDHN			
	Nhóm thử nghiệm		Nhóm đối chứng	
	SL	%	SL	%
A	9	23	7	18
B	30	77	21	54
C	0	0	10	25
D	0	0	01	3
Tổng	39	100	39	100

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả

Qua bảng thống kê cho thấy lớp thử nghiệm ứng dụng MXH vào quá trình giảng dạy kết quả học tập không có SV đạt mức điểm C trở xuống và số lượng SV đạt điểm khá giỏi (A, B) chiếm đa số.

Về mặt định tính: chúng tôi tiến hành quan sát ở các lớp thử nghiệm trong tiến trình dạy học, từ đó rút ra một số nhận xét như sau: Lớp học thử nghiệm: giờ học diễn ra sôi nổi, lý thú. Hình thức tổ chức dạy học nhóm về nhà thông qua Messenger, Zalo, SV thảo luận tỏ ra hào hứng, sôi nổi, nhiệt tình tham gia, 1 số nhóm còn gửi các link hay video liên quan nội dung bài học qua các nhóm rồi trao đổi lại khi lên lớp. Số lần giơ tay phát biểu tăng và chất lượng trả lời tốt hơn. SV chủ động hơn trong việc tham gia vào quá trình học tập, giảng viên đóng vai trò hướng dẫn, định hướng... mang lại sự thay đổi trong nhận thức, kỹ năng và thái độ của SV. Đặc biệt SV tăng khả năng tự nghiên cứu nội dung và hiểu sâu sắc hơn các kiến thức liên quan đến học phần.

Như vậy, sự chênh lệch giữa hai 2 lớp đối sánh theo kết quả học tập, cũng như môi trường lớp học cũng có sự khác biệt rõ nét.

2.3. Một số giải pháp sử dụng mạng xã hội vào đổi mới giảng dạy tại Trường Đại học Quảng Bình

- Đối với Nhà trường

Nhà trường cần đảm bảo cơ sở vật chất, sử dụng có hiệu quả các phương tiện dạy học. Việc đảm bảo, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, phương tiện dạy học nhất là hệ thống wifi có vai trò quan trọng, mỗi quan hệ qua lại, hỗ trợ nhau, nhằm cung cấp thêm kiến thức, kinh nghiệm trực tiếp liên quan đến thực tiễn xã hội và môi trường sống cho người học một cách phong phú, chính xác và trực quan; đồng thời, thúc đẩy sự giao tiếp, trao đổi thông tin, gia tăng cường độ cả người dạy và người học, rút ngắn thời gian giảng dạy mà vẫn đảm bảo người học lĩnh hội đủ nội dung... Vì vậy, cơ sở đào tạo cần quan tâm đầu tư, phát huy thế mạnh về công nghệ thông tin, ứng dụng kỹ thuật số, đảm bảo tốt cơ sở vật chất, phương tiện dạy học, đặc biệt là giáo trình, tài liệu tham khảo, phim học tập, máy tính, máy chiếu và mạng Internet hỗ trợ cho HĐ của giảng viên

Phương pháp giáo dục đại học khác với giáo dục phổ thông ở điểm: coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu tạo điều kiện cho người học phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, tham gia nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng. Chính vì thế giảng viên cần linh hoạt trong phương pháp giảng dạy, vận dụng tổng hợp các phương pháp trong giảng dạy. Mỗi phương pháp dạy học đều có thế mạnh riêng, không có một phương pháp dạy học nào thay thế hoàn toàn cho một phương pháp khác. Do đó, giảng viên cần vận dụng, kết hợp linh hoạt các phương pháp giảng dạy nhằm kích thích nhu cầu nhận thức, phát huy tính tích cực, sáng tạo của học viên.

- Đối với giảng viên

Để có thể sử dụng MXH vào phương pháp dạy học, trước hết giảng viên cần tham gia vào MXH, tìm hiểu các tiện ích và tìm hiểu nâng cao kỹ năng sử dụng, kiểm soát MXH. Việc sử dụng MXH trong quá trình giảng dạy khiến buổi học thú vị hơn, thái độ học tập tích cực hơn, tuy nhiên vấn đề này cũng gặp nhiều thách thức đối với giảng viên như vấn đề riêng tư, bảo mật, kỹ năng sử dụng và quản lý, khả năng thiết kế các HĐ phù hợp với môi trường MXH. Do vậy, việc áp dụng MXH trong giảng dạy cần phải được cân nhắc kỹ hơn trên nhiều mặt để có thể mang lại hiệu quả, cũng như giảm thiểu các tác động tiêu cực đến giảng viên và SV.

Giảng viên cần thiết kế các HĐ hoạt tập và có cơ chế thưởng phạt phù hợp để khuyến khích SV tham gia các buổi thảo luận, tranh luận ngoài giờ lên lớp qua MXH.

- Đối với SV:

SV cần có tinh thần, thái độ học tập nghiêm túc, cầu thị. Hiểu biết các quy định pháp luật liên quan an ninh mạng. Tham gia các HĐ truyền thông liên quan đến MXH, từ đó biết cách kiểm soát hành vi sử dụng MXH của bản thân.

Chủ động, tích cực, tự giác xác lập kế hoạch học tập tổng thể và chi tiết của bản thân ở từng học phần, từng gia đoạn, từng thời điểm nhất định trong HĐ học tập và rèn luyện. Nhận thức rõ vai trò việc trao đổi bài học qua MXH đối với việc tự nghiên cứu để thực hiện một cách tự giác và có trách nhiệm khi giảng viên yêu cầu tham gia HĐ này.

Không ngừng trau dồi các kiến thức, kỹ năng, năng lực làm chủ và phát triển bản thân; năng lực xã hội; năng lực công cụ và các năng lực chuyên biệt. Tích cực tham gia vào việc nghiên cứu bài, trao đổi tranh luận các nội dung liên quan khi giảng viên yêu cầu. Trong quá trình học tập có sử dụng MXH, SV cần phản hồi những ưu, nhược điểm của bản thân, của giảng viên và đề xuất hướng sửa chữa, khắc phục những nhược điểm đó.

3. Kết luận

Nhóm nghiên cứu đã xây dựng bài giảng mẫu có ứng dụng mạng xã hội vào phương pháp giảng dạy và tiến hành dạy thử nghiệm ở 2 lớp ĐH GDMN K59. So sánh kết quả học tập, cho thấy việc ứng dụng MXH vào quá trình trao đổi bài đã tạo không khí học tập sôi nổi, SV chủ động hơn trong việc tự nghiên cứu nội dung học phần, từ đó giúp SV hoàn thành bài thi kết thúc học phần tốt hơn. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu cũng gợi ý một số giải pháp để việc ứng dụng MXH vào phương pháp giảng dạy được thuận lợi và hiệu quả hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn, T.K.H. và Nguyễn, L.N. (2016), “Tác động của mạng xã hội Facebook đối với SV hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý*, 32 (2016) 2, 68-74
2. Nguyễn Lan Nguyễn (2020), *Ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội Facebook đến học tập và đời sống của SV hiện nay*, Luận án ngành Xã hội học, Đại học Quốc gia Hà Nội
3. Nguyễn Thanh Hồng Ân, Nguyễn Văn Tuấn (2017), “Ứng dụng mạng xã hội để hỗ trợ việc tương tác ngoài giảng đường: Một trường hợp nghiên cứu tại Khoa Kinh tế - Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Đà Lạt”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Giáo dục*, tập 33, số 3, 1-9